

Số: 39/2024/QĐST-HNGĐ

Mai Sơn, ngày 30 tháng 12 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 49/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2024 về xin ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1990. Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Bản M, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1988. Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Bản M, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 12 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 12 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn T1.
- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
  - Về tình cảm: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn T1 thống nhất thuận tình ly hôn.

b. Về con chung: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn T1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 01/10/2015 và cháu Nguyễn Thảo C, sinh ngày 12/3/2018.

Giao cháu Nguyễn Thị Thảo N cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Giao cháu Nguyễn Thảo C cho anh Nguyễn Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu C trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi ly hôn, anh chị được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh chị thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh chị có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

c. Về tài sản chung vợ chồng: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn T1 không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét. Nếu phát sinh tranh chấp và có người khởi kiện sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

d. Về nợ chung vợ chồng: Không có.

e. Về án phí: Chị Bùi Thị T nhận chịu án phí xin ly hôn là 150.000 VNĐ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001988 ngày 19 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, được nhận lại 150.000 VNĐ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã Cò Nòi, Mai Sơn, Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Hà Minh Quân**

